

Số: 203/2021/QĐST-HN&GD

*Phổ Yên, ngày 06 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 278/TLST – HN&GD, ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa:

**Nguyên đơn: Chị Trần Thị T , sinh năm 1981**

ĐKNKTT : Xóm Tân Thịnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn: Anh Lê Văn H , sinh năm 1978**

ĐKNKTT : Xóm Tân Thịnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Trần Thị T t và anh Lê Văn H .

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Điều nhất trí thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H xác định quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu: Lê Thị V , sinh năm 1999; Lê Văn N , sinh

ngày 08/01/2009. Chị T, anh H thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau:

Con chung thứ nhất đã trưởng thành không đặt ra việc giải quyết;

Giao con chung cháu thứ hai: cháu Lê Văn N , sinh ngày 08/01/2009 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi anh H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

2.3. *Về tài sản chung:* Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. *Về khoản nợ chung, cho vay chung:* Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H thỏa thuận: chị T tự nguyện nộp nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ. Chị T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001935 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ án phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã Trung Thành (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**